EASY KIND KOREAN

Lv.0 · Ep.2

누우면 밑으로

Nguyên âm nằm thì đặt bên dưới: xe buýt, nước ép, phim truyền hình



Sau bài này bạn có thể

Đọc các từ có nguyên âm nằm: 버스 · 주스 · 드라마 · 나무

Bài trước, nguyên âm nào cũng đứng thẳng và ngồi bên cạnh phụ âm. Hôm nay, ba nguyên âm nằm ngang — và chúng đặt bên dưới phụ âm. Thêm sáu phụ âm mới nữa. Hãy đọc to mọi âm.

Tên _____ Ngày _____

1. Ba nguyên âm nằm

Đặt nét dài nằm ngang, như mặt đất. Nét nhỏ đặt ở đâu thì âm thay đổi.

ㅡ	nguyên âm **eu**	"ư" — một nét nằm ngang, như mặt đất. Môi dẹt
ㅗ	nguyên âm **o**	"ô" — nét nhỏ ở trên. Tròn môi
ㅜ	nguyên âm **u**	"u" — nét nhỏ ở dưới. Tròn môi, đẩy ra trước

2. Sáu phụ âm mới

Hai chữ trong đó đến từ chữ bạn đã biết: thêm một nét, được chữ mới. Bốn chữ còn lại vẽ hình miệng.

ㄷ	phụ âm **d**	gần giống "đ" — chữ lưỡi ㄴ thêm một nét ở trên. Vẫn chỗ lưỡi đó, mạnh hơn một chút
ㅎ	phụ âm **h**	"h" — vòng tròn ㅇ đội một cái mũ nhỏ. Có hơi thở ra
ㄱ	phụ âm **g/k**	"g" hoặc "k" — phần cuối lưỡi nâng lên, chặn cổ họng
ㅁ	phụ âm **m**	"m" — cái hộp: cái miệng với môi khép lại
ㅅ	phụ âm **s**	"s" — cái răng. Hơi lướt qua kẽ răng
ㄹ	phụ âm **r/l**	giữa "r" và "l" — hình zíc zắc: lưỡi bật nhẹ một lần, thật nhanh

Mẹo: đứng thì bên cạnh, nằm thì bên dưới

Trước khi đọc một khối, hãy nhìn nguyên âm trước. Đứng (ㅣ ㅏ ㅓ)? Nó ngồi bên cạnh phụ âm — đọc từ trái sang phải. Nằm (ㅡ ㅗ ㅜ)? Nó ở bên dưới — đọc từ trên xuống dưới. Nhìn một cái là biết bắt đầu từ đâu.

3. Xếp các khối

Phụ âm + nguyên âm = một chữ. Nguyên âm đứng ghép bên cạnh, nguyên âm nằm ghép bên dưới. Đọc to từng chữ mới.



4. Tập viết

Tô theo chữ màu xám, rồi tự viết. Vừa viết vừa đọc.

으	오	우	다	하	고	마	소	루

5. Từ hôm nay

Tiếng Hàn	nghĩa
버스	xe buýt
주스	nước ép
드라마	phim truyền hình
나무	cái cây — từ thuần Hàn, không đến từ tiếng Anh

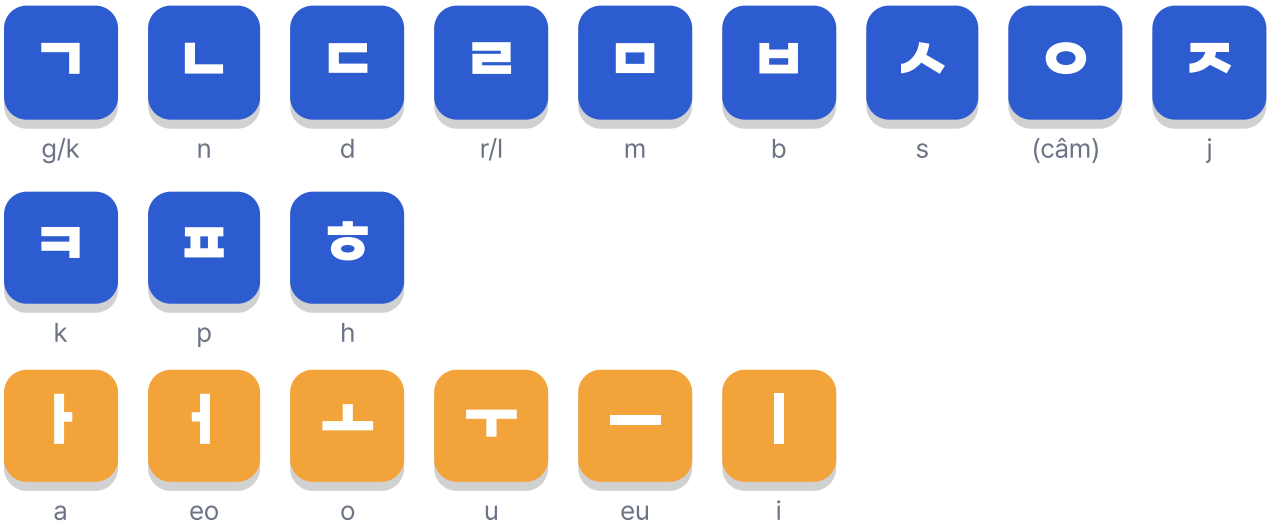
6. Đọc trước rồi mới xem đáp án

Che đáp án lại. Nhìn nguyên âm trước, rồi đọc to từng từ. Tất cả chữ ở đây bạn đều đã biết.

소스	스키	라디오
모자	두부	고구마

Giờ bạn đã biết những chữ này

Mười hai phụ âm và sáu nguyên âm — gần hết các chữ cơ bản, chỉ trong hai bài.



Thử thật nhé

> Khi gặp người Hàn, hãy chỉ vào một tấm biển và đọc to lên. Vẫn đọc chậm, từng khối một? Tốt lắm. Trẻ em Hàn Quốc nào cũng bắt đầu như vậy. Tốc độ sẽ tự đến.

Đáp án

소스 "xô-xư" — nước sốt (từ tiếng Anh "sauce"!) · **스키** "xư-ki" — trượt tuyết (từ tiếng Anh "ski"!) · **라디오** "ra-đi-ô" — radio · **모자** "mô-cha" — cái mũ · **두부** "đu-bu" — đậu phụ · **고구마** "cô-cu-ma" — khoai lang

Bài sau: thêm một nét, thêm một âm — 토마토 · 치즈 · 우유